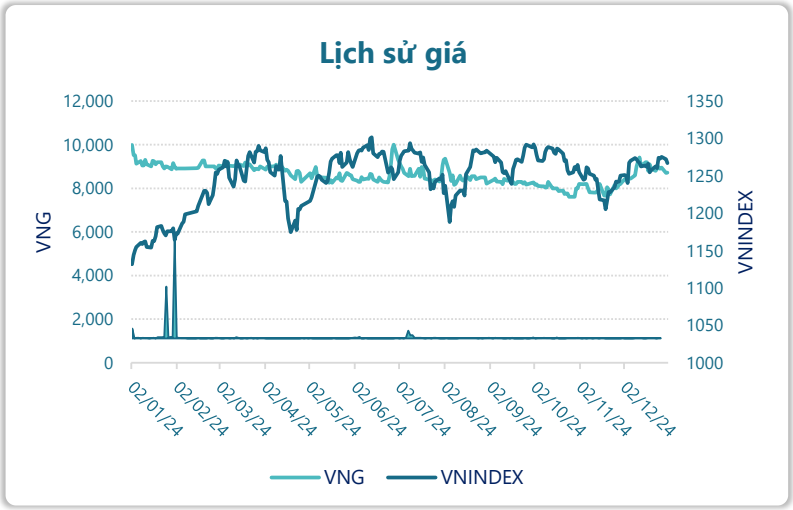
FireAnt

CTCP Du lịch Thành Thành Công (HSX: VNG)



Thông tin giao dịch	31/12/2024
Giá hiện tại (VNĐ)	**8,720**
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	10,000
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	7,610
SL cổ phiếu LH	97,276,608
KLGD BQ 20 phiên (CP)	121,955
% sở hữu nước ngoài	0.3%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	848
P/E	355.1
EPS	25

DT thuần

Q4/24

146

tỷ VNĐ

QoQ: ▼39.0| -21.0%

YoY: ▼85.0| -36.7%

LN sau thuế

Q4/24

42.3

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 84.0| 201%

YoY: ▲ 41.4| 4819%

Tỷ suất lãi EBIT

2024

40.0%

+/- YoY: ▲ 12.4%

DT thuần

2024

710

tỷ VNĐ

YoY: ▼33.0| -4.4%

LN sau thuế

2024

1.63

tỷ VNĐ

YoY: ▼1.76| -52.0%

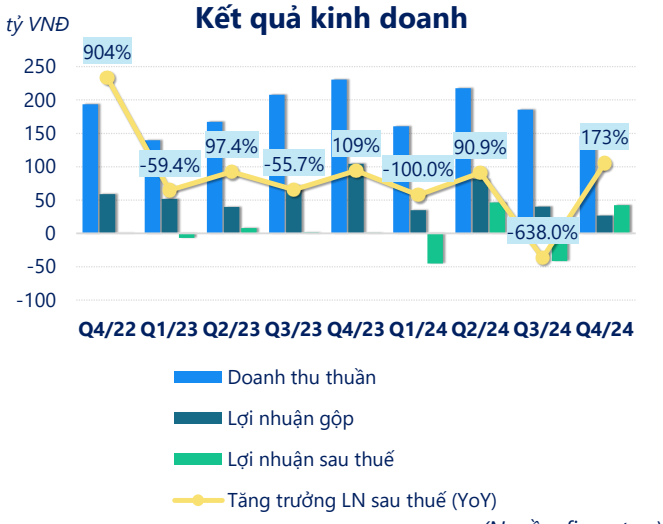
ROE

2024

0.2%

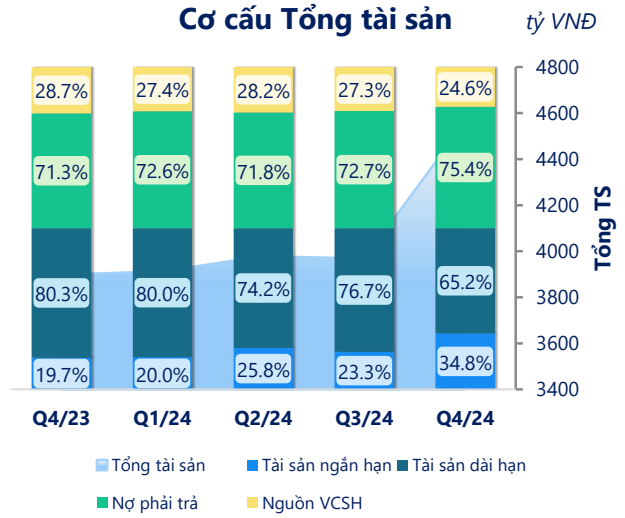
+/- YoY: ▼ 0.1%

Kết quả kinh doanh



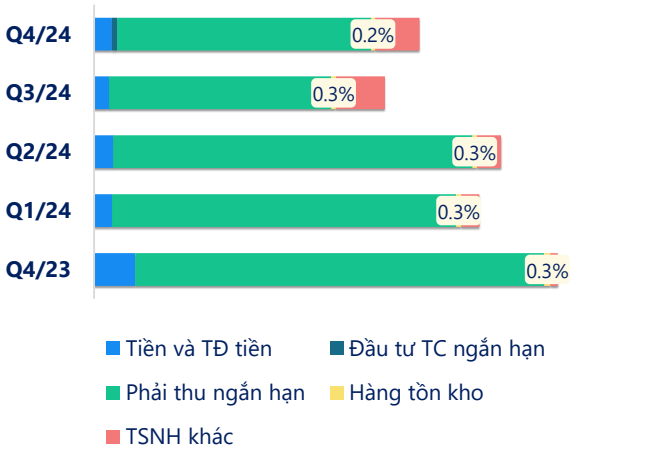
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tổng tài sản



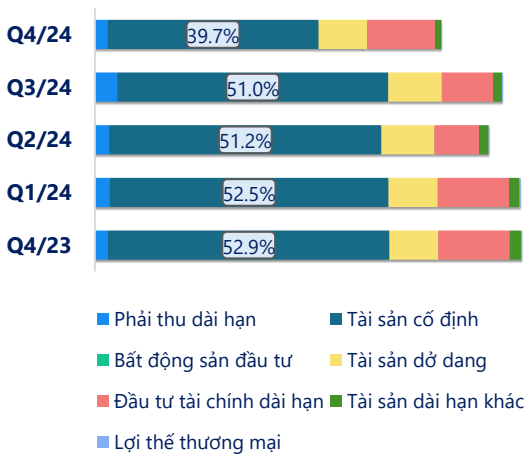
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



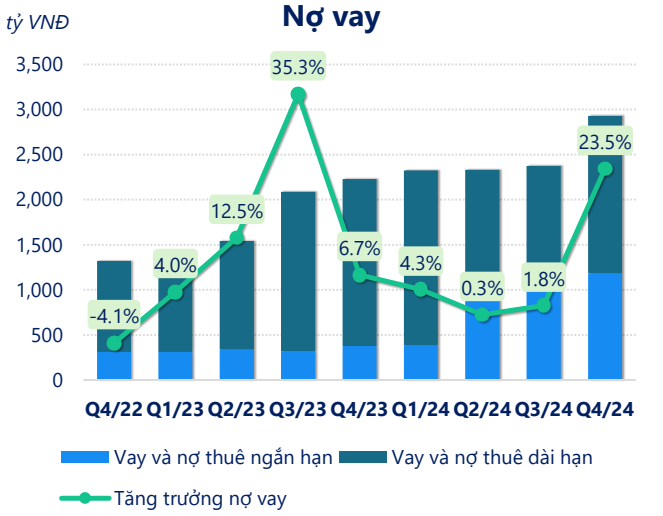
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS



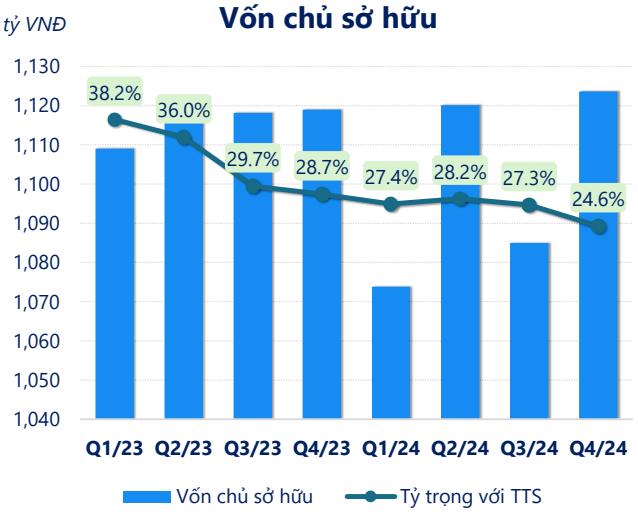
(Nguồn: fireant.vn)

Nợ vay



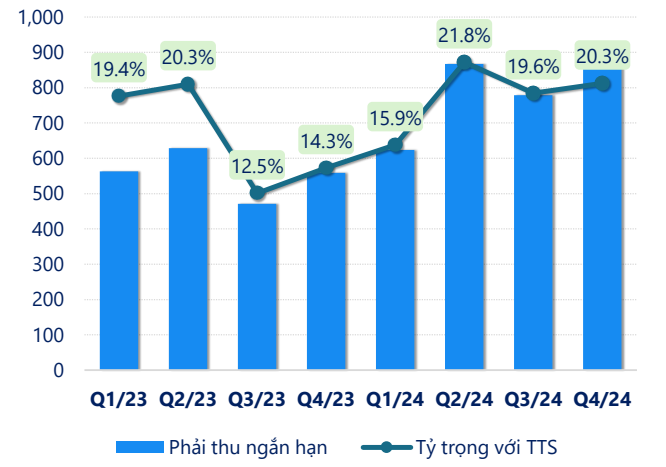
(Nguồn: fireant.vn)

Vốn chủ sở hữu



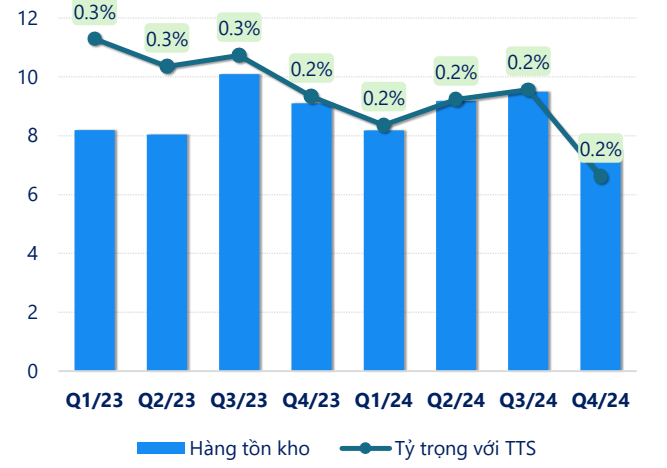
(Nguồn: fireant.vn)

Phải thu ngắn hạn



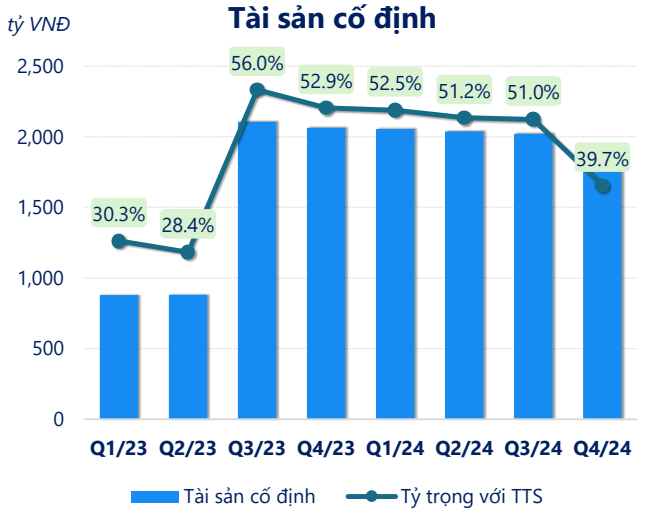
(Nguồn: fireant.vn)

Hàng tồn kho



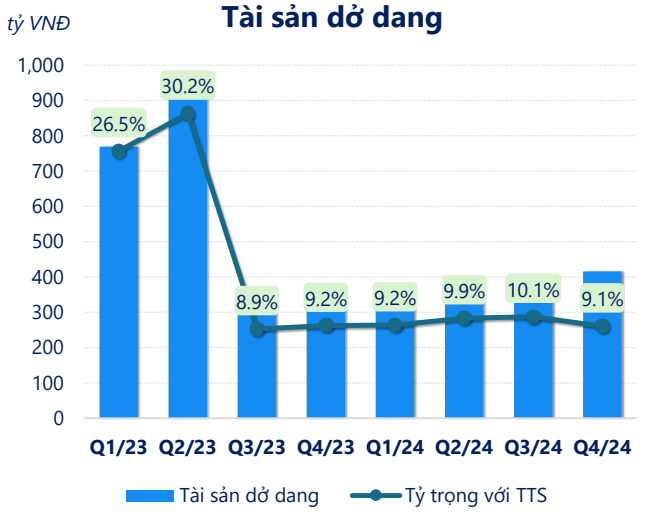
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



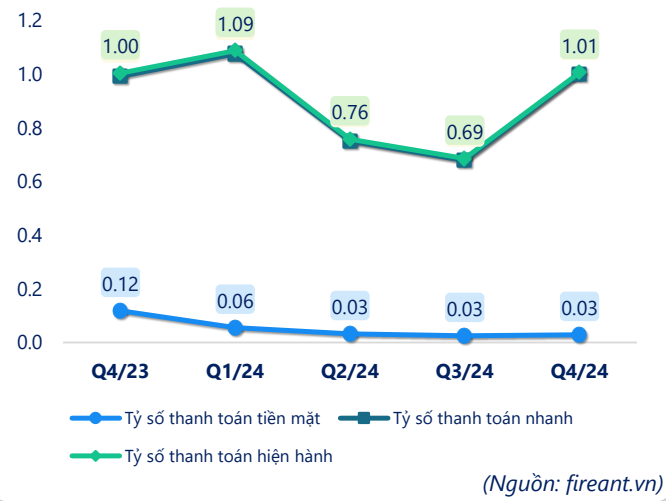
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang



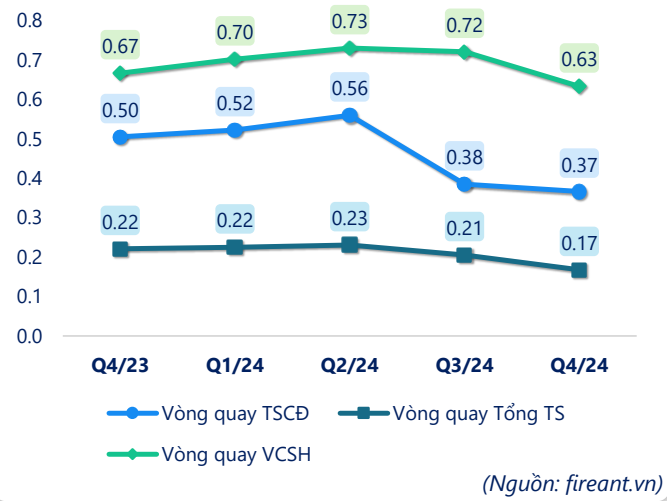
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN *(tỷ VNĐ)*	Q4/23	Q1/24	Q2/24	Q3/24	Q4/24
Tổng tài sản	**3,899**	**3,912**	**3,978**	**3,968**	**4,560**
Tài sản ngắn hạn	**767**	**781**	**1,027**	**924**	**1,585**
Tiền và tương đương tiền	90.3	40.0	43.3	33.9	45.2
Đầu tư tài chính ngắn hạn	12.0	12.0	15.0	12.0	512
Phải thu ngắn hạn	558	624	867	778	926
Hàng tồn kho	9.10	8.18	9.19	9.49	7.55
Tài sản ngắn hạn khác	97.5	97.2	91.8	90.5	94.5
Tài sản dài hạn	**3,131**	**3,131**	**2,952**	**3,044**	**2,975**
Phải thu dài hạn	95.6	107	106	166	107
Tài sản cố định	2,063	2,054	2,038	2,022	1,811
Bất động sản đầu tư	0	0	0	0	0
Tài sản dở dang	358	361	395	400	416
Đầu tư tài chính dài hạn	523	524	334	383	582
Tài sản dài hạn khác	82.8	76.5	70.9	65.4	56.7
Lợi thế thương mại	8.80	8.32	7.83	7.34	2.42
Nợ phải trả	**2,780**	**2,838**	**2,858**	**2,883**	**3,437**
Nợ ngắn hạn	**764**	**718**	**1,355**	**1,348**	**1,576**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	376	382	984	1,011	1,183
Phải trả người bán ngắn hạn	158	97.3	121	124	152
Nợ dài hạn	2,015	2,120	1,504	1,535	1,861
Vay và nợ thuê dài hạn	1,851	1,941	1,347	1,361	1,747
Nguồn vốn chủ sở hữu	**1,119**	**1,074**	**1,120**	**1,085**	**1,124**
Vốn chủ sở hữu	**1,119**	**1,074**	**1,120**	**1,085**	**1,124**
Vốn điều lệ	973	973	973	973	973
Kinh phí và quỹ khác	0	0	0	0	0

(Nguồn: fireant.vn)